TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 12 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Út M, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp Bá H, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Quốc L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp Bá H, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Út M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị Nguyễn Út M và anh Huỳnh Quốc L chung sống năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Cái N. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Gia đình có hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay chị M xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh L nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định không có.

Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 căn nhà là tài sản chung được xây dựng trên phần đất của của cha, mẹ chồng cho mượn, giá trị căn nhà 160.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh L giao lại cho chị ½ giá trị bằng 80.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án chị xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản để tự thỏa thuận với anh L, trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị M xác định không có.

* *Đối với anh Huỳnh Quốc L:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh L không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị M và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Út M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Quốc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Theo đơn khởi kiện chị M yêu cầu phân chia tài sản chung, yêu cầu anh L giao lại cho chị M ½ giá trị tài sản chung là 80.000.000 đồng; quá trình giải quyết chị M rút lại yêu cầu phân chia tài sản. Xét thấy việc rút yêu cầu phân chia tài sản của chị M không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu này của chị M là phù hợp.

[2] Về nội dung: Chị M và anh L chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do giữa anh chị thường bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ nguyên nhân trên, chị Mịnh xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Xét yêu cầu của chị M, thấy rằng: Chị M yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh L đều vắng mặt, thể hiện việc anh L không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn với anh L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị M xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung gồm có 01 căn nhà là tài sản chung được xây dựng trên phần đất của của cha, mẹ chồng cho mượn, giá trị căn nhà 160.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh L giao lại cho chị ½ giá trị bằng 80.000.000 đồng,

quá trình giải quyết vụ án chị xin rút lại yêu cầu phân chia tài sản để tự thỏa thuận với anh L, trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Xét thấy việc rút yêu cầu phân chia tài sản của chị M là tự nguyện nên được chấp nhận.

Về nợ: Chị M xác định không có; anh L không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Út M. Cho chị Nguyễn Út M được ly hôn với anh Huỳnh Quốc L.

Đình chỉ yêu cầu phân chia sản chung là ½ giá ngôi nhà bằng 80.000.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Út M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000321 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị M đã nộp xong); Án phí phân chia tài sản chị M đã dự nộp 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000321 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Nước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai